

Bản án số: 292/2024/HS-ST

Ngày: 27- 9- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch

Bà Bùi Diệu Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 306/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/**Nguyễn Ú T**(Ú N), sinh năm 20xx, tại: K; Hộ khẩu thường trú: Không đăng ký; nghề nghiệp: K; trình độ học vấn: j/12; dân tộc: K; quốc tịch: V; tôn giáo: K; giới tính: N; con ông Nguyễn V T, sinh năm 19xx và bà Danh T B N, sinh năm 19xx; hoàn cảnh gia đình: C; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 26/9/20xx, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự, thời hạn tù tính từ ngày 22/6/20xx. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 22/6/20xx. khi phạm tội dưới 16 tuổi nên không coi là án tích. Ngày 10/4/20xx bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 82/2024/HS-ST ngày 10/4/2024). Bị cáo bị bắt ngày 24/8/2023.

2/**Tạ M T**; sinh năm 20xx, tại: C; Hộ khẩu thường trú: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: j/12; dân tộc: K; quốc tịch: V; tôn giáo: K; giới tính: N; con ông Tạ M K sinh năm 19xx và bà Đặng T N, sinh năm 19xx; hoàn cảnh gia đình: C; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 25/01/20xx, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng, kể

từ ngày 24/11/202x. Bị cáo chấp hành xong Quyết định về địa phương ngày 14/4/2023. Nhân thân: Ngày 13/3/20xx, bị cáo T thực hiện hành vi “Cướp tài sản”. Đến ngày 23/9/2019 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2018. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 17/9/2021, bị cáo chưa đóng án phí sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo T khi phạm tội dưới 16 tuổi nên không coi là có án tích. Bị cáo bị bắt bị bắt ngày 30/8/2023 (Có mặt);

3/**Nguyễn T S**; sinh năm 20xx, tại: Thành phố H; Hộ khẩu thường trú: Số jj đường B, phường T, quận B, Thành phố H; nghề nghiệp: K; trình độ học vấn: j/12; dân tộc: K; quốc tịch: V; giới tính: N; tôn giáo: K; con ông Nguyễn V S, sinh năm 19jj và bà Nguyễn T L T, sinh năm 19xx; hoàn cảnh gia đình: C; tiền sự: Ngày 29/7/20xx, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng, kể từ ngày 29/4/20xx. Bị cáo chấp hành xong Quyết định trở về địa phương ngày 15/6/202x; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 24/8/202x (Có mặt);

4/**Nguyễn T P S**, sinh năm 20xx, tại: Thành phố H; Hộ khẩu thường trú: Số jj đường H, phường h, quận g, Thành phố H; nghề nghiệp: K; trình độ học vấn: j/12; dân tộc: K; quốc tịch: V; tôn giáo: K; giới tính: N; con ông Nguyễn T H H bà Trần H D; hoàn cảnh gia đình: C; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 24/8/2023 (Có mặt);

5/**Phan T N(B)**; sinh năm 19jj, tại: Q; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, Thành phố Q, tỉnh Q; Tạm trú: Số f đường T, phường T, quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: S, mua bán điện thoại; trình độ học vấn: j/12; dân tộc: K; quốc tịch: V; tôn giáo: K; giới tính: N con ông Phan T T, sinh năm 19xx và bà Phạm T L, sinh năm 19xx; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Hoàng V N, sinh năm 19xx và có 02 con lớn nhất sinh năm 20xx, nhỏ nhất sinh năm 20xx; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại(Có mặt);

Bị hại:

1/Bà Thạch T M L, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 575/20 đường Tỉnh Lộ 10, phường B, quận B, Thành phố H(Vắng mặt);

2/Bà Nguyễn T T M, sinh năm 20jj; Trú tại: Số B ấp n, xã X, huyện H, Thành phố H(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1/Ông Trần M H, sinh năm 19xx; Trú tại: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L (Vắng mặt)

2/Ông Dương V D, sinh năm 19xx; Trú tại: Số k đường X, phường l, quận m, Thành phố H (Vắng mặt).

3/Ông Trần C H, sinh năm 19xx; Trú tại: Số A ấp b xã T, huyện B, thành phố H(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau: Tạ M T, Nguyễn Ú T, Nguyễn T S, Nguyễn T P S là bạn bè quen biết với nhau và không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài thì các bị cáo đã thuê phòng số 103 của nhà nghỉ T Th và thường xuyên ở chung với nhau để bàn bạc trước khi đi Cướp giật tài sản, đem về đây để đem đi tiêu thụ, chia nhau tiền tiêu xài và trả tiền phòng thuê như sau:

Vụ án thứ nhất:

Vào khoảng 04 giờ 00 ngày 21/08/2023, tại phòng số 103 nhà nghỉ T T, khi các bị cáo T, T, S đang ở trong phòng thì T rủ T đi cướp giật tài sản, T điều khiển xe Honda biển số 59Hm-927jj chở T lưu thông trên đường. Khi đến trước số A, phường A, quận B, T nhìn thấy chị Thạch T M L chạy xe máy cùng chiều, trong túi quần của chị L có nhô ra một điện thoại di động. Lúc này, T kêu T cướp giật điện thoại di động của chị L, T đồng ý và điều khiển xe mô tô áp sát về phía bên phải của chị L để T dùng tay trái giật điện thoại di động của chị L. Sau khi T giật được điện thoại di động của chị L thì T tăng ga xe bỏ chạy. T, T quay về phòng 103 của nhà nghỉ T T, T nói với S là T và T vừa cướp giật được điện thoại, kêu S đem điện thoại Nokia C21 Plus T và T vừa cướp giật được của chị L đi bán, S đồng ý. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, S cầm điện thoại Nokia C21 Plus do T và T cướp giật được đến cửa hàng mua bán điện thoại di động “C H”, địa chỉ: B ấp x, xã T, huyện B do anh Trần C H là chủ, bán được số tiền 500.000 đồng, S đem tiền về đưa cho T và T rồi cả ba người đi ăn uống hết. Đến ngày 28/8/2023, chị L đến Công an phường An Lạc A trình báo bị cướp giật tài sản.

Bản kết luận định giá tài sản số: 336/KL-HĐĐGTS ngày 28/09/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự quận Bình Tân kết luận điện thoại di động hiệu Nokia C21 plus của chị L trị giá 1.500.000 đồng.

Vụ án thứ hai: Vào khoảng 04 giờ 50 phút ngày 22/08/2023 (ngày hôm sau), T, S, T đang ở tại Phòng 103 thì T rủ T đi cướp giật tài sản, T tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu sonic biển số 59Hj-927jj của T lưu thông trên đường. Khi đến đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân (đoạn gần Hẻm Sinco hướng từ đường Tên Lửa về vòng xoay An Lạc), T nhìn thấy một người đàn ông (Không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô cùng chiều và để điện thoại trong túi quần bên trái có nhô ra một phần. T rủ T cướp giật điện thoại của người đàn ông trên, T đồng ý và điều khiển xe mô tô áp sát bên trái của người đàn ông trên để T dùng tay phải giật một điện thoại Iphone 11 trong túi quần của người đàn ông, T tăng ga xe bỏ chạy về phòng 103 của nhà nghỉ T T. Tại đây, T kêu S đi bán 01 điện thoại Iphone 11, T chở S đến nhà Nguyễn T P S (là bạn của T, S) để nhờ Sơn dẫn S, T đi bán điện thoại, nhưng do trời còn sớm, tiệm mua điện thoại di động chưa mở cửa nên T, S, S chưa đi bán điện thoại mà ở lại nhà S.

Vụ án thứ 3: Đến khoảng 08 giờ 15 phút ngày 22/08/2023, T và S đang ở nhà S để chờ đi bán điện thoại di động của người đàn ông không rõ lai lịch, thì T rủ S đi cướp giật tài sản, S đồng ý còn T điều khiển xe mô tô loại Honda biển số 59Hj-927.jj của T chở S ngồi sau đi tìm người có tài sản để cướp giật, còn S ngồi ở nhà S đợi. Khi T đang lưu thông đến đoạn đường trước khu đất trống trên đường Quốc lộ 1 (đối diện Công ty TNHH P), khu phố t, phường T, quận B thì T thấy chị Nguyễn T N Á điều khiển xe mô tô chở chị Nguyễn T T M ngồi phía sau đang ôm một túi xách màu vàng nâu. Lúc này, T kêu S cướp giật túi xách trên, đồng thời T điều khiển xe áp sát bên trái xe mô tô của chị Á để S ngồi sau dùng tay phải giật túi xách của chị M, T nhanh chóng tăng ga bỏ chạy cùng S về phòng 103 nhà nghỉ T T. Tại đây, T và S gặp T, cả ba kiểm tra túi xách vừa cướp giật được gồm có: Một máy tính xách tay màu xám, một điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu đen, một điện thoại di động hiệu Nokia 101, một cục sạc dự phòng, một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và một số giấy tờ. Khoảng 30 phút sau, T điều khiển xe mô tô của T chở S đem theo số tài sản vừa cướp giật được của chị M quay về lại nhà S, còn T ở lại Phòng 103. (Điện thoại Nokia 101 và cục sạc dự phòng T và S để lại phòng 103), tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng S cất giữ riêng. Trên đường về nhà, S vứt bỏ túi xách có chứa đồ đạc, giấy tờ không có giá trị vào xe chở rác. Tại nhà S, T, S đưa số tài sản vừa cướp giật được của chị M cho S gồm (01 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động Iphone 7 plus) và S dẫn đường cho S, T đến Cửa hàng điện thoại tại số jj đường T, quận T để bán số tài sản T, T cướp giật được của người đàn ông không rõ lai lịch và số tài sản T, S cướp giật được của chị M nhưng không gặp được chủ của Cửa hàng trên, S vào gặp nhân viên xin số điện thoại của chủ Cửa hàng là Phan T N. Sau đó, S gọi cho N để bán số tài sản trên, N hẹn các bị cáo đến quán nước tại địa chỉ số j đường T, phường T, quận T. Tại đây các bị cáo S, S, T đưa cho N 01 laptop hiệu Dell màu xám, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen và 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro màu xanh rêu, do các điện thoại và máy tính này đều bị cài mật khẩu và cài Icloud nên N yêu cầu các bị cáo T, S, S mở mật khẩu nhưng các bị cáo không mở được và không có hóa đơn chứng từ nên N biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nhưng vẫn đồng ý mua với tổng giá tiền là 6.300.000 đồng (01 máy laptop Dell trị giá 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen trị giá 800.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro màu xanh rêu với giá 2.500.000 đồng); S, S, T đồng ý bán. N đưa cho S số tiền 6.300.000 đồng là tiền N mua toàn bộ số tài sản trên. S đưa lại toàn bộ số tiền trên cho T, T chia cho S 1.500.000 đồng, T cho S 500.000 đồng, số tiền còn lại T giữ. Sau đó, N cho thêm S 200.000 đồng, S cho lại S 200.000 đồng này. Sau khi chia tiền xong tại quán cà phê, S về nhà còn S và T quay về nhà nghỉ T T. Tại đây, T chia cho T 1.000.000 đồng tiền bán được điện thoại Iphone 11 do T và T cướp giật được của người đàn ông không rõ lai lịch, T cho S thêm 200.000 đồng, số tiền còn lại T giữ

để T, S, T tiêu xài chung. Sau khi mua máy tính xách tay, điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus và điện thoại di động hiệu Iphone 11, Nhất đã bán máy tính xách tay với giá 3.500.000 đồng và điện thoại di động hiệu Iphone 11 với giá 3.000.000 đồng cho hai người không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ của các vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia C21 Plus là điện thoại của chị L trong vụ án số 1 bị cướp giật nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Thạch T M L đã nhận lại tài sản bị cướp giật nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 là điện thoại mà bị cáo T, T cướp giật của 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) trong vụ án thứ 2 không thu hồi được.

- 01 máy tính xách tay hiệu MSI, là tài sản của chị M bị cướp giật trong vụ án thứ 3 không thu hồi được.

- 01 điện thoại di động Iphone 7 plus, 01 điện thoại di động Nokia 101, 01 cục sạc dự phòng và một túi xách màu nâu thu hồi được, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị M bị cướp giật nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị M.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 394/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự quận Bình Tân kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu MSI trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 7 plus trị giá 2.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia 101 trị giá 100.000 đồng, 01 cục sạc dự phòng hiệu AVA trị giá 100.000 đồng, 01 túi xách màu nâu hiệu Lata trị giá 150.000 đồng. Tổng cộng tài sản của bị hại Mỹ trị giá 8.350.000 đồng.

- 01 xe mô tô Sonic biển số: 59Hj-927.jj. Bị cáo Nguyễn Ú T khai mua xe mô tô trên của một người tên Đ (Không rõ lai lịch), khi mua không làm giấy mua bán. Qua xác minh xe trên có biển số thật là 82Mj-921.jj do anh Trần M H (SN: 19xx, HKTT: Thị trấn C, huyện C, tỉnh L) đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, anh H khai xe trên bị mất trộm vào ngày 12/08/2023 tại sạp bán hoa M có số sạp A2059-Axxx tại chợ B thuộc phường r, quận f. Khi bị mất trộm xe trên, anh H đã đến công an phường n, quận m trình báo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Bình Tân đã chuyển xe mô tô trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận 8, Thành phố H xử lý theo thẩm quyền.

- Số tiền 6.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Phan T N, là số tiền bị cáo N tự nộp lại để khắc phục hậu quả.

- Một bộ quần áo, nón bảo hiểm và đôi dép thu giữ của bị cáo Nguyễn Ú T.

- Một bộ quần áo và đôi dép thu giữ của bị cáo Nguyễn T P S.

Tất cả các vật chứng trên Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân tạm giữ chờ xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn T T M yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là giá trị máy tính xách tay do bị cáo Nguyễn Ú T cùng đồng phạm cướp giết và không thu hồi được, (các bị cáo chưa bồi thường).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Ú T, Nguyễn T S, Tạ M T, Nguyễn T P S, Phan T N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 176/CT-VKS ngày 06/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố các bị cáo Nguyễn Ú T, Tạ M T, Nguyễn T S; Nguyễn T P S về tội “Cướp giết tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Phan T N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ú T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”. Đề nghị tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 82/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Tạ M T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”.

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn T S từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”.

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn T P S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Phan T N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, căn cứ điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ quần áo, 01 nón bảo hiểm; 01 đôi dép thu giữ của Nguyễn Ú T; 01 bộ quần áo và 01 đôi dép thu giữ của bị cáo Nguyễn T P S; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.500.000. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với bị hại Nguyễn T T M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra truy tố các bị cáo Nguyễn Ú T, Tạ M T, Nguyễn T S, Nguyễn T P S, Phan T N Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận các bị cáo Nguyễn Ú T, Tạ M T, Nguyễn T S, Nguyễn T P S phạm tội “Cướp giật tài sản ” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phan T N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài phục vụ nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính, các bị cáo Nguyễn Ú T, Tạ M T, Nguyễn T S, Nguyễn T P S thường xuyên tụ tập thuê phòng tại nhà nghỉ T T số jj đường T phường T quận B để làm nơi ở chung và bàn nhau đi cướp giật tài sản của người khác đem về bán chia nhau tiêu xài, ăn uống chung. Chỉ trong một thời gian ngắn các bị cáo đã liên tục thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản của những người đi đường cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 04 giờ 00 ngày 21/08/2023, bị cáo T rủ bị cáo T đi cướp giật được 01 điện thoại di động hiệu Nokia C21 plus của chị Thạch T M L sau đó bị

cáo T và bị cáo S đem đi bán cho Nguyễn C H được số tiền 500.000 đồng rồi cả ba bị cáo T, T, S chia nhau tiêu xài chung.

Vụ thứ 2 : Vào khoảng 04 giờ 50 phút ngày 22/08/2023 (ngày hôm sau), T, S, T đang ở tại Phòng 103 thì T rủ T đi cướp giật tài sản, T tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu sonic biển số 59Hj-927jj của T lưu thông trên đường. Khi đến đường K, phường A, quận B (đoạn gần Hẻm Sinco hướng từ đường Tên Lửa về vòng xoay An Lạc), T nhìn thấy một người đàn ông (Không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô cùng chiều và để điện thoại trong túi quần bên trái có nhô ra một phần. T rủ T cướp giật điện thoại của người đàn ông trên, T đồng ý và điều khiển xe mô tô áp sát bên trái của người đàn ông trên để T dùng tay phải giật một điện thoại Iphone 11 trong túi quần của người đàn ông, T tăng ga xe bỏ chạy về phòng 103 của nhà nghỉ T T. Tại đây, T kêu S đi bán 01 điện thoại Iphone 11, T chở S đến nhà Nguyễn T P S (là bạn của T, S) để nhờ S dẫn S, T đi bán điện thoại, nhưng do trời còn sớm, tiệm mua điện thoại di động chưa mở cửa nên T, S, S chưa đi bán điện thoại mà ở lại nhà S.

Vụ thứ 3: Đến 04 giờ 50 phút ngày hôm sau (ngày 22/8/2024) bị cáo T rủ bị cáo T đi cướp giật được 01 điện thoại di động Iphone 11 của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại hẻm Sinco, đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, sau đó đem đến nhà bị cáo S tại số T, phường T, quận B nhờ S đi tìm người để bán điện thoại do còn sớm nên chưa bán được. Tại đây, T tiếp tục rủ bị cáo S đi cướp giật tài sản được 01 máy tính xách tay hiệu MSI, 01 điện thoại di động Iphone 7 plus, 01 điện thoại di động Nokia 101, 01 cục sạc dự phòng hiệu AVA, 01 túi xách màu nâu hiệu Lata của chị Nguyễn T T M tại khu đất trống trên đường Quốc Lộ 1A, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân rồi đem về phòng 103 nhà nghỉ T T cùng với S đem số tài sản trên và 01 điện thoại di động Iphone 11 , T, T cướp giật được của người đàn ông không rõ lai lịch mang đến bán cho bị cáo Phan T N được số tiền 6.300.000 đồng, T chia cho S 1.500.000 đồng, T cho S 500.000 đồng, số tiền còn lại T giữ. N cho thêm S 200.000 đồng, S cho lại S 200.000 đồng, T chia cho T 1.000.000 đồng, số còn lại T giữ để các bị cáo ăn uống, trả tiền phòng và tiêu xài chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo trong vụ án, các bị cáo phạm tội chỉ mang tính chất nhất thời. Xét vai trò, tính chất mức độ của từng bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Nguyễn Ú T giữ vai trò chủ mưu rủ rê, các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo S, bị cáo T, tham gia vụ án với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo T.

Đối với bị cáo Nguyễn T S mặc dù không trực tiếp tham gia cùng với các bị cáo khác để chiếm đoạt tài sản nhưng quá trình điều tra tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận mỗi lần bị cáo T rủ các bị cáo khác đi cướp

giật tài sản thì bị cáo S đều biết và đều chứng kiến, do các bị cáo cùng ở chung phòng với nhau và bị cáo T dẫn với bị cáo S ở nhà đợi sau khi đi cướp giật về thì nhờ bị cáo S đi bán tài sản dùm thì bị cáo S đồng ý. Lời khai này của bị cáo S phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án. Do đó hành vi của bị cáo S tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức với các bị cáo khác trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo sử dụng phương tiện xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật là dùng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội vì hành vi này có thể dẫn đến tai nạn giao thông, có thể xâm hại đến tính mạng và sức khỏe của những người đang lưu thông trên đường phố, gây mất trật tự an toàn giao thông hơn nữa hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật Nhà nước bảo hộ. Mặc khác còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để truy tố các bị cáo Nguyễn Ú T, Nguyễn T S, Tạ M T, Nguyễn T P S là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Phan T N mặc dù biết tài sản do các bị cáo khác phạm tội mà có nhưng vì háms lợi đã giúp sức tiêu thụ tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân căn cứ khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để truy tố bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Đối với bị cáo Nguyễn Ú T phạm tội còn trong độ tuổi vị thành niên nên khi lượng hình cần thiết áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Các bị cáo T, T, S đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng các bị cáo vẫn không ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tính chất nghiêm trọng hơn điều đó thể hiện ý thức của các bị cáo rất xem thường pháp luật. Đối với bị cáo S có nhân thân tốt bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn hối cải nên cần thiết xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo qui định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với các bị cáo T, S, T các bị cáo thực hiện 02 lần về hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Phan T N có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự tại cơ quan điều tra và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tích cực khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội, xét cho bị cáo được hưởng mức án treo có thời gian thử thách lâu dài cũng đủ giáo dục và cải tạo đối với bị cáo, đồng thời thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đối với người mới phạm tội lần đầu mà biết ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử cũng cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo b, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại Khoản 5 Điều 171 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án nên miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự : Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện Nguyễn T T M yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Ú T, Nguyễn T S, Tạ M , Nguyễn T P S đều đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và thống nhất mỗi bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự thỏa thuận mang tính tự nguyện giữa các bị cáo và bị hại nên ghi nhận.

[7] Về vật chứng vụ án : Đối với 01 bộ quần áo, 01 nón bảo hiểm; 01 đôi dép thu giữ của Nguyễn Ú T; 01 bộ quần áo và 01 đôi dép thu giữ của bị cáo Nguyễn T P S các bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia C21 Plus của chị Thạch T M L Cơ quan điều tra đã trả lại cho là điện thoại cho chị Linh Hội đồng xét xử xét thấy việc trả tài sản là phù hợp với qui định của pháp luật nên không xem xét giải quyết lại.

Đối với số tiền 6.500.000 đồng tiền do bị cáo Phan T N nộp lại để khắc phục hậu nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Ú T ngoài lần phạm tội trong vụ án này, ngày 15/8/2023 bị cáo cùng các đồng phạm khác tham gia “Trộm cắp tài sản” và đã bị xét xử trong một vụ án khác do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 56; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ú T 04(bốn) năm 06(sáu) tháng tù về “Tội cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án số 82/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06(sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn T S 05(năm) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2024

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tạ M T 05(năm) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2023.

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn T P S 05(năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan T N 01(một) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nhất cho Ủy ban nhân dân phường Tân Quý, quận Tân Phú nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ú T, bị cáo Nguyễn T S, bị cáo Tạ M T, bị cáo Nguyễn T P S mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn T T M số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không bồi thường số tiền nêu trên thì các bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ quần áo, 01 nón bảo hiểm; 02 đôi dép; 01 bộ quần áo.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số: NK24/200TV ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân và giấy nộp tiền vào kho bạc nhà nước ngày 02/10/2024).

4. Về án phí : Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và các bị cáo Nguyễn Ú T, Nguyễn T S, Tạ M T, Nguyễn T P S phải chịu thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

(Chủ tọa đã giải thích chế định về án treo)

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Bình Tân;
- Công an quận Bình Tân;
- Viện kiểm sát quận Bình Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PV06 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu; HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tín

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

